

1. MỤC TIÊU

1.1. **Kiến thức.** Học sinh ôn tập các kiến thức về:

1.1.1 Hệ điều hành

- Nắm được lịch sử phát triển của các HĐH thông dụng cho PC, HĐH thương mại, HĐH mã nguồn mở
- Hiểu được đặc điểm HĐH cho thiết bị di động
- Hiểu cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, HĐH và phần mềm ứng dụng.
- Biết sử dụng một số chức năng cơ bản của một HĐH trên PC
- Biết sử dụng tiện ích của HĐH trên PC.

1.1.2 Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet

- Nắm được sự khác nhau giữa phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại.
- Hiểu được vai trò của phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở đối với sự phát triển của CNTT
- Biết phần mềm chạy trên Internet và lợi ích của chúng

1.1.3 Bên trong máy tính

- Nhận diện được một số thiết bị trong máy tính, nắm được chức năng và các thông số đo hiệu năng của chúng.
- Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT và giải thích được vai trò của các mạch logic trong thực hiện các tính toán nhị phân
- Đánh giá chất lượng máy tính thông qua những thông số hiệu năng.

1.1.4 Kết nối máy tính với các thiết bị số

- Biết một số thiết bị vào-ra thông dụng và thông số
- Biết cách kết nối máy tính cũng như tùy chỉnh được một vài chức năng cơ bản.

Đọc hiểu và giải thích được một số thông số cơ bản cấu các thiết bị số thông dụng.

1.1.5 Cơ sở dữ liệu quan hệ

- Phân biệt CSDL tập trung và phân tán
- Hiểu các thuật ngữ và khái niệm liên quan: bản ghi, trường, khóa, khóa chính, liên kết.

1.2. **Kĩ năng:** Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

- Sử dụng và quản lý được một số thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông.
- Sử dụng một số chức năng cơ bản của một HĐH trên PC
- Sử dụng một số tiện ích trên HĐH thiết bị di động
- Sử dụng tiện ích của HĐH trên PC.
- Sử dụng được một số tiện ích của HĐH trên PC nhằm cải thiện hiệu suất làm việc của máy tính.
- Lựa chọn được phần mềm phù hợp với yêu cầu kĩ năng.

2. NỘI DUNG

2.1. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Nội dung kiến thức/kĩ năng	Cấp độ tư duy			
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		Số câu	Số câu	Số câu	Số câu
1	CĐ 1. Hệ điều hành	2	1		1
2	CĐ 2. Phần mềm nguồn mở và PM chạy trên internet	1	2	1	
3	CĐ 3. Bên trong máy tính	3	3	1 yn	
4	CĐ 4. Kết nối máy tính với thiết bị số	5	1 yn	1	
4	CĐ 5. Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu	4	2	1	1 yn
Tổng		16	9	4	2

2.2 **Giới hạn:** Từ bài 1 đến bài 12

2.3. Câu hỏi và bài tập minh họa

TRẮC NGHIỆM:

BÀI 5.

I. Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

Câu 1. Hai thông số quan trọng của chuột là?

- A. Độ nhanh và chậm
- C. Độ phân giải và độ trơn

Câu 2. Thiết bị nhập dữ liệu thông dụng nhất?

- A. Chuột
- B. Màn hình

Câu 3. Bluetooth chủ yếu được dùng để:

- A. Kết nối máy in với máy tính
- C. Truyền dữ liệu qua mạng internet

Câu 4. Cổng HDMI có chức năng chính là gì?

- A. Chỉ truyền tín hiệu video
- C. Truyền dữ liệu qua mạng

Câu 5. Thiết bị ra chuyển thông tin ra ngoài?

- A. Bộ điều khiển
- C. Màn hình, máy in, máy chiếu

Câu 6. Thiết bị vào cho phép nhập dữ liệu là?

- A. Bàn phím, chuột, camera số,..
- C. Màn hình, bàn phím, máy fax,..

Câu 7. Đây là cổng gì?



- A. VGA
- B. RCA
- C. USB
- D. HDMI

Câu 8. Thiết bị nào sau đây có thể coi là vừa là thiết bị vào, vừa là thiết bị ra?

- A. Bàn phím
- B. Máy in
- C. Ổ đĩa USB
- D. Màn hình

Câu 9. Để kết nối máy in với máy tính, cần phải thực hiện thao tác nào sau đây trong lần đầu sử dụng?

- A. Cài đặt trình điều khiển (driver) của máy in
- B. Kết nối trực tiếp mà không cần cài đặt bất kỳ phần mềm nào
- C. Tắt máy in và khởi động lại máy tính để tự động nhận diện
- D. Chỉ cần cắm cáp USB hoặc kết nối không dây, không cần cài đặt thêm gì

Câu 10. Tần số quét của màn hình là gì?

- A. Số lần hình ảnh được tái hiện trên màn hình trong một giây
- B. Số điểm ảnh trên màn hình
- C. Kích thước của màn hình
- D. Độ sáng của màn hình

Câu 11. Đây là cổng kết nối nào?



- A. VGA
- B. TRAST A
- C. RCA
- D. USB type A

Câu 12. Thiết bị ra phổ biến nhất là?

- A. Máy quang phổ
- B. Máy Fax
- C. Màn hình
- D. Máy in

Câu 13. Chuột máy tính có thể kết nối với máy tính thông qua những cách nào sau đây?

- A. Chỉ có kết nối không dây
- B. Cả kết nối có dây và không dây
- C. Chỉ có kết nối có dây
- D. Chỉ có kết nối USB

Câu 14. Cổng VGA được dùng để làm gì?

- A. Truyền dữ liệu giữa các thiết bị qua mạng
- B. Truyền tín hiệu âm thanh
- C. Truyền tín hiệu hình ảnh số
- D. Truyền tín hiệu hình ảnh tương tự

Câu 16. Thiết bị vào phổ biến nhờ dễ điều khiển chính xác là?

- A. Bàn phím
- B. Chuột
- C. Máy in
- D. Nút off

II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Hãy lựa chọn đúng / sai với mỗi ý a), b), c) d)

Câu 1. Bạn Lan cần thực hiện xây dựng một video giới thiệu về trường. các hình ảnh video được chụp, quay lại và lưu trong điện thoại thông minh của bạn Lan và cần được chuyển sang máy tính để chỉnh sửa. Lan giữ để truyền dữ liệu.

sau đây là một số nhận xét của bạn cùng lớp về việc kết nối giữa hai thiết bị trên:

- a) việc truyền dữ liệu bằng bluetooth sẽ nhanh hơn bằng dây cáp usb
- b) khoảng cách giữa Hai thiết bị làm ảnh hưởng đến tốc độ truyền dữ liệu
- c) ảnh và video từ điện thoại vẫn sẽ giữ nguyên dung lượng khi chuyển sang máy tính
- d) nếu ngắt bluetooth trên máy tính, dữ liệu đã truyền sẽ vẫn còn trên máy tính

Câu 2. Sau khi kết thúc chuyến du lịch với gia đình, bạn Lan Anh muốn tạo một video Kỷ Niệm từ những hình ảnh, video đã chụp và quay bằng điện thoại. Phần mềm chỉnh sửa video bạn sử dụng được cài đặt trên máy tính. bạn cần kết nối điện thoại thông minh đã sử dụng để chụp ảnh với máy tính nhằm chuyển các dữ liệu hình ảnh và video vào máy tính.

sau đây là một số ý kiến tư vấn của một chuyên gia về phần cứng máy tính cho bạn Lan Anh để thực hiện công việc nói trên:

- a) cần bật bluetooth ở hai thiết bị để chuyển dữ liệu
- b) bạn cần cài đặt phần mềm để kết nối điện thoại với máy tính bằng cáp usb
- c) thời gian truyền dữ liệu của bluetooth chậm hơn so với Truyền dữ liệu qua dây cáp usb
- d) khi kết nối điện thoại với máy tính bằng Cáp USB thì không thể truyền dữ liệu bằng bluetooth giữa hai thiết bị

Câu 3. Nam đang định mở một quán photo dịch vụ cạnh cổng trường để phục vụ việc in tài liệu hoặc có thể dùng cho gia đình. Nam muốn tìm hiểu kỹ hơn về các loại máy in để lựa chọn cho phù hợp. Sau đây là ý kiến của bạn Nam.

- a) Máy in laser có tốc độ in nhanh phù hợp với in số lượng lớn, không phù hợp để in ảnh màu chất lượng cao
- b) Máy in nhiệt không cần sử dụng mực in, chỉ cần giấy nhiệt, phù hợp để in hóa đơn, nhãn dán hoặc các tài liệu nhỏ trong các cửa hàng, siêu thị và in các tài liệu
- c) Máy in phun chất lượng in ảnh và màu sắc cao, thích hợp in ảnh màu hoặc phong bật quảng cáo
- d) Máy in 3D có thể in các vật thể ba chiều từ các thiết kế kỹ thuật số

Câu 4. Cổng nào sau đây được sử dụng để kết nối máy tính với máy chiếu?

- A. Cổng VGA
- B. Cổng HDMI
- C. Cổng USB
- D. Cổng mạng

BÀI 6 - LƯU TRỮ VÀ CHIA SẺ TRÊN INTERNET

Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

Câu 1. Ở chế độ chia sẻ nào, người dùng có thể up dữ liệu lên thư mục đã được chia sẻ?

- A. Chế độ chỉnh sửa
- B. Chỉ chủ sở hữu mới up được dữ liệu lên
- C. Chế độ nhận xét.
- D. Chế độ xem và nhận xét

Câu 2. Internet giúp khắc phục giới hạn lưu trữ bằng ?

- A. Cho người dùng thuê bộ nhớ
- B. Phân phối bán lẻ bộ nhớ
- C. Bắt người dùng mua phần mềm thứ 3
- D. Các dịch vụ chia sẻ tệp tin trực tuyến.

Câu 3. Một lợi ích của việc lưu trữ dữ liệu trên đám mây là gì?

- A. Dữ liệu dễ dàng truy cập từ bất kỳ đâu
- B. Tăng dung lượng ổ cứng máy tính
- C. Tiết kiệm thời gian truy cập dữ liệu
- D. Dữ liệu luôn được lưu trữ cục bộ

Câu 4. Khi chia sẻ thông tin trên Internet, chủ sở hữu của thư mục, tệp có thể quyết định chế độ chia sẻ nào dưới đây?

- A. Quyền chỉnh sửa, quyền nhận xét, quyền xem, quyền chia sẻ
- B. Quyền được nhận xét, quyền được chỉnh sửa,
- C. Quyền chỉ xem, quyền chỉnh sửa
- D. Quyền chỉnh sửa, quyền nhận xét, quyền xem

Câu 5. Chọn đáp án sai Khi nói về việc sử dụng các dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Internet?

- A. Tạo mới và quản lý thư mục, tệp trên ổ đĩa trực tuyến
- B. Được cấp thêm 2GB không gian lưu trữ khi đã sử dụng hết
- C. Tải tệp hay thư mục của mình lên ổ đĩa trực tuyến
- D. Chia sẻ thư mục và tệp cho người khác

Câu 6. Hãy chọn các phương án đúng?

A. Khi em được chia sẻ một tệp với quyền Xem, em vẫn có thể tải tệp đó về máy tính của mình hoặc tạo một bản sao của tệp đó trên Google Drive của em.

B. Khi em được chia sẻ một tệp với quyền Xem, em có thể đổi tên tệp đó

Câu 7. Chủ sở hữu quyết định quyền của người được chia sẻ với ba chế độ?

- A. Xem, tải về, lấy tài khoản
C. Xem, mua, bán
- B. Xem, xóa, khôi phục
D. Xem, nhận xét, chỉnh sửa
- Câu 8.** Chọn đáp án Sai. Sau khi chia sẻ thư mục, tệp với quyền được chỉnh sửa chủ sở hữu?
- A. Có thể thêm nội dung vào thư mục/tệp đã chia sẻ
B. Có thể thay đổi quyền chia sẻ
C. Không thể thay đổi quyền chia sẻ
D. Có thể dừng việc chia sẻ
- Câu 9.** Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?
- A. Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
B. Thích vào thư mục của ai cũng được
C. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
D. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
- Câu 10.** Người dùng đăng ký sử dụng dịch vụ và được cấp một không gian lưu trữ trực tuyến gọi là?
- A. Hosting
B. Tài khoản người dùng
C. Server
D. Ổ đĩa trực tuyến
- Câu 11.** Dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tập tin trên Internet thường được gọi là gì?
- A. Lưu trữ ngoại tuyến
B. Lưu trữ trực tiếp
C. Lưu trữ đám mây
D. Lưu trữ cục bộ
- Câu 12.** Khi đăng kí sử dụng dịch vụ lưu trữ thông tin, dữ liệu trực tuyến thì người dùng sẽ được?
- A. Cung cấp các dịch vụ xử lý dữ liệu
B. Cung cấp phần mềm chỉnh sửa dữ liệu trực tuyến
C. Bảo mật dữ liệu trực tuyến
D. Cung cấp một không gian nhớ trực tuyến
- Câu 13.** Quyền chỉnh sửa không cho phép người được chia sẻ làm điều gì sau đây?
- A. Nhận xét thư mục và tệp
B. Up nội dung lên thư mục đã chia sẻ
C. Xóa tệp hoặc thư mục đã chia sẻ
D. Thay đổi quyền chia sẻ
- Câu 14.** Một doanh nghiệp muốn sử dụng dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tập tin trên Internet để lưu trữ các dữ liệu quan trọng. Doanh nghiệp nên chọn những dịch vụ nào?
- A. Drive, Dropbox
B. Dropbox, iCloud
C. Drive, Dropbox, OneDrive
D. Drive, Dropbox, OneDrive, iCloud
- Câu 15.** Dịch vụ lưu trữ trực tuyến nào sau đây là của Microsoft?
- A. OneDrive
B. Google Drive
C. iCloud
D. Dropbox
- Câu 16.** Tính năng nào không có trong dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tập tin trực tuyến?
- A. Cài đặt phần mềm trên máy tính
B. Chỉnh sửa tài liệu trực tiếp
C. Chia sẻ tập tin với người khác
D. Tạo thư mục mới
- Câu 17.** Khi sử dụng các dịch vụ lưu trữ và chia sẻ tập tin trên Internet người dùng không thể?
- A. Tải tệp hay thư mục của mình lên ổ đĩa trực tuyến
B. Nhìn thấy kích thước của tệp
C. Chia sẻ thư mục và tệp
D. Tạo mới và quản lý thư mục, tệp trên ổ đĩa trực tuyến

BÀI 7 - THỰC HÀNH TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

I. Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

- Câu 1.** Khi sử dụng lại các thông tin trên mạng cần lưu ý đến vấn đề là:
- A. Địa chỉ của trang web.
B. Các từ khóa liên quan đến trang web.
C. Các từ khóa liên quan đến thông tin cần tìm.
D. Bản quyền.
- Câu 2.** Tên máy tìm kiếm được sử dụng phổ biến hiện nay là?
- A. Chrome
B. Google
C. Bing
D. Yahoo
- Câu 3.** Tên nào sau đây không phải là tên của máy tìm kiếm?
- A. Ask
B. Bing.
C. Google chrome.
D. Google.
- Câu 4.** Phần mềm được sử dụng để truy cập các trang web và khai thác tài nguyên trên internet được gọi là:
- A. Trình thiết kế web.
B. Trình soạn thảo web.
C. Trình duyệt web.
D. Trình lướt web.
- Câu 5.** Từ khoá là gì?
- A. Là một từ hoặc cụm từ liên quan đến nội dung cần tìm kiếm do người sử dụng cung cấp.
B. Là một biểu tượng trong máy tìm kiếm.

C. Là tập hợp các từ mà máy tìm kiếm quy định trước.

D. Là từ mô tả chiếc chìa khoá.

Câu 6. Để tìm kiếm thông tin dưới dạng tệp PDF, bạn cần thêm cụm từ gì vào từ khóa?

A. type:

B. +pdf

C. +filetype:

D. +file type:

Câu 7. Đây là máy tìm kiếm

A. Safari

B. Firefox

C. Chrome

D. Bing

Câu 8. Cần làm thế nào để kết nối Internet?

A. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.

B. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet.

C. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet.

D. Wi-Fi.

Câu 9. Tại sao bạn nên tham khảo các "thủ thuật tìm kiếm" trên Internet?

A. Để biết về lịch sử Internet

B. Để giải trí

C. Để tìm kiếm thông tin nhanh hơn và hiệu quả hơn

D. Để so sánh các máy tìm kiếm

Câu 10. Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khoá nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm nhất?

A. Virus Corona.

B. Corona.

C. "Virus Corona".

D. "Virus"+"Corona".

II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Với mỗi ý a), b), c) d) chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Nhóm bạn của Trang tìm kiếm nội dung chuẩn bị cho bài thuyết trình môn địa lý. Trang tìm được một trang web có kho dữ liệu phong phú với nhiều tài liệu hay và được yêu cầu phải đăng ký tài khoản để truy cập có trả phí. Sau đây là ý kiến của các bạn trong nhóm cảnh báo về một số nguy cơ mà Trang có thể gặp phải khi thực hiện hoạt động trên:

a) có thể để lộ thông tin cá nhân

b) có thể các tài liệu trên là vi phạm bản quyền

c) máy tính có thể bị xâm nhập bởi các phần mềm độc hại máy tính

d) có thể cài đặt tường lửa để hạn chế việc xâm nhập

Câu 2. Năm học tới Nam muốn xét tuyển vào trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Để hiểu hơn về các phương thức tuyển sinh Nam đã lên mạng tìm kiếm thông tin về vấn đề này. Sau đây là ý kiến của một số bạn trong lớp về việc tìm kiếm.

a) Nên đến phòng tuyển sinh của trường để tìm hiểu sẽ hiệu quả và chính xác hơn vì tìm kiếm trên mạng sẽ lan man không biết thông tin có chính xác hay không.

b) Để thu hẹp phạm vi tìm kiếm nên để nội dung tìm kiếm trong cặp dấu nháy kép " ... "

c) Để tìm kiếm những tệp pdf liên quan đến nội dung cần tìm ta sử dụng cú pháp tìm kiếm: "tuyển sinh đại học Bách Khoa Hà Nội"+filetype:pdf

d) Để chỉ tìm kiếm thông tin tuyển sinh chỉ trên website của Đại học Bách Khoa Hà Nội ta sử dụng cú pháp site:www.hust.edu.vn "tuyển sinh đại học Bách Khoa Hà Nội"

BÀI 8 - THỰC HÀNH NÂNG CAO SỬ DỤNG THU ĐIỆN TỬ VÀ MẠNG XÃ HỘI

I. Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

Câu 1. Khi tắt dịch vụ vị trí trên Facebook, điều gì sẽ thay đổi?

A. Các bạn bè sẽ không thể nhìn thấy bài viết của người dùng.

B. Người dùng không thể đăng bài viết.

C. Facebook không còn theo dõi vị trí địa lý của người dùng khi họ truy cập ứng dụng.

D. Facebook sẽ xóa tất cả các bài viết cũ

Câu 2. Trên hộp thoại tìm kiếm, thực hiện tìm kiếm từ khóa nào để hiển thị danh sách tất cả thư điện tử quan trọng?

A. is: important

B. is: Important Letter

C. is: Important Signs

D. is: letter of interest

Câu 3. Để sắp xếp phân loại thư trong hộp thư đến thì em sử dụng?

A. Dấu sao

B. Dấu quan trọng

C. Sắp xếp (sort)

D. Nhãn (Label)

Câu 4. Khi tạo Fanpage trên Facebook, bước đầu tiên cần thực hiện là gì?

A. Đăng bài viết đầu tiên lên Fanpage.

B. Nhập tên Fanpage.

C. Mời bạn bè theo dõi Fanpage.

D. Đăng nhập vào Facebook và chọn Tạo Trang.

Câu 5. Gmail không hỗ trợ công việc nào trong những công việc sau?

- A. Tự động xác định và đánh dấu thư thuộc loại quan trọng
 - B. Tự động xóa thư
 - C. Phân loại thư quan trọng
 - D. Sắp xếp thư điện từ một cách hợp lý
- Câu 6.** Để đánh dấu một email là quan trọng trong Gmail, ta cần làm gì?
- A. Di chuyển email vào một thư mục mới.
 - B. Xóa email khỏi hộp thư đến.
 - C. Nhấn vào biểu tượng quan trọng (hình tam giác) màu vàng bên cạnh email.
 - D. Nhấn vào biểu tượng dấu sao bên cạnh email.
- Câu 7.** Chọn đáp án sai. Sử dụng nhãn (label) giúp người dùng có thể?
- A. Làm giảm dung lượng thư giúp tiết kiệm bộ nhớ
 - B. Tiết kiệm thời gian khi tìm kiếm lại các thư
 - C. Tránh thất lạc thông tin ở các thư cũ
 - D. Quản lý việc nhận thư từ các địa chỉ
- Câu 8.** Dựa vào đâu để Gmail tự động xác định và đánh dấu thư thuộc loại quan trọng?
- A. Những thư được phân loại
 - B. Những thư mới gửi
 - C. Những thư được gán nhãn
 - D. Người gửi, tần suất gửi, thư được mở và trả lời
- Câu 9.** Sự khác biệt giữa Nhãn và Thư mục trong Gmail là gì?
- A. Nhãn chỉ là công cụ để phân loại, còn Thư mục thực sự chứa email.
 - B. Thư mục và Nhãn hoàn toàn giống nhau về chức năng.
 - C. Nhãn chỉ có thể được gán cho một email, còn Thư mục có thể chứa nhiều email.
 - D. Khi xóa email khỏi Nhãn, email sẽ bị xóa khỏi hệ thống.
- Câu 10.** Để phân loại email trong Gmail bằng nhãn, người dùng cần thực hiện bước nào?
- A. Tạo một danh sách liên hệ mới.
 - B. Chuyển email vào thư mục Spam.
 - C. Tạo nhãn mới và gán nhãn cho email trong hộp thư đến.
 - D. Xóa email khỏi hộp thư đến.
- Câu 11.** Chức năng của dấu  là
- A. Đánh dấu thư có nội dung không phù hợp.
 - B. Đánh dấu thư có virus.
 - C. Đánh dấu thư có gắn liên kết đến thư khác.
 - D. Đánh dấu thư thuộc loại quan trọng.

BÀI 9 - GIAO TIẾP AN TOÀN TRÊN INTERNET

I. Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

- Câu 1.** Chọn đáp án chính xác nhất. Khi tham gia mạng xã hội thì mọi người cần trang bị?
- A. Kỹ năng giao tiếp
 - B. Kỹ năng đối phó với dư luận và vượt qua khủng hoảng
 - C. Kỹ năng nhận biết và phòng tránh lừa đảo
 - D. Kỹ năng đàm phán trước đám đông
- Câu 2.** Chúng ta có thể nhận biết và phòng tránh lừa đảo bằng các nguyên tắc nào sau đây?
- A. Hãy chậm lại và Kiểm tra ngay và Dừng lại, không gửi
 - B. Kiểm tra ngay và Hãy chậm lại và Dừng lại, không gửi
 - C. Dừng lại, không gửi và Hãy chậm lại và Kiểm tra ngay
 - D. Dừng lại, không gửi và Kiểm tra ngay và Hãy chậm lại
- Câu 3.** Nguyên tắc Kiểm tra ngay là?
- A. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp
 - B. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo
 - C. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân
 - D. Hãy kiểm tra ngay thông tin có chính xác không và dừng lại không gửi
- Câu 4.** Nguyên tắc hãy chậm lại là?
- A. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp
 - B. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo
 - C. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân

D. Hãy kiểm tra ngay thông tin có chính xác không và dừng lại không gửi

Câu 5. Nguyên tắc dừng lại không gửi là?

- A. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp
- B. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo
- C. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân
- D. Hãy kiểm tra ngay thông tin có chính xác không và dừng lại không gửi

Câu 6. Quy tắc nào dưới đây cần thực hiện khi tham gia môi trường số

- A. Lành mạnh, An toàn, bảo mật thông tin, tuân thủ pháp luật
- B. Lành mạnh, An toàn, bảo mật thông tin, tuân thủ pháp luật, không tung tin giả
- C. An toàn, bảo mật thông tin
- D. Lành mạnh, trách nhiệm

Câu 7. Khi tham gia môi trường số, Quy tắc tôn trọng, tuân thủ pháp luật là?

- A. Đòi hỏi mọi hành vi ứng xử trên mạng xã hội phải phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- B. Yêu cầu phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và tổ chức
- C. Hướng tới việc cần chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, khi có yêu cầu phải chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật
- D. Yêu cầu phải tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Câu 8. Khi tham gia môi trường số, Quy tắc lành mạnh là?

- A. Đòi hỏi mọi hành vi ứng xử trên mạng xã hội phải phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- B. Yêu cầu phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và tổ chức
- C. Hướng tới việc cần chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, khi có yêu cầu phải chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật
- D. Yêu cầu phải tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Câu 9. Khi tham gia môi trường số, Quy tắc An toàn bảo mật thông tin là?

- A. Đòi hỏi mọi hành vi ứng xử trên mạng xã hội phải phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- B. Yêu cầu phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và tổ chức
- C. Hướng tới việc cần chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, khi có yêu cầu phải chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật
- D. Yêu cầu phải tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

Câu 10. Khi tham gia môi trường số, Quy tắc chịu trách nhiệm là?

- A. Đòi hỏi mọi hành vi ứng xử trên mạng xã hội phải phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam
- B. Yêu cầu phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và tổ chức
- C. Hướng tới việc cần chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, khi có yêu cầu phải chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật
- D. Yêu cầu phải tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân

BÀI 10 - LƯU TRỮ DỮ LIỆU VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN PHỤC VỤ QUẢN LÝ

I.Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

Câu 1. Mục tiêu chính của việc lưu trữ dữ liệu trong các bài toán quản lý là gì?

- A. Để bảo mật dữ liệu.

- B. Để phân tích dữ liệu.
- C. Để cung cấp thông tin cho các hoạt động quản lý.
- D. Để tiết kiệm không gian lưu trữ.

Câu 2. Tại sao cần phải cập nhật dữ liệu thường xuyên trong các bài toán quản lý?

- A. Để dữ liệu luôn được chính xác và phản ánh đúng tình hình thực tế.
- B. Để tăng khả năng bảo mật.
- C. Để làm giảm dung lượng dữ liệu lưu trữ.
- D. Để tăng tính thẩm mỹ của dữ liệu.

Câu 3. Truy xuất dữ liệu là gì?

- A. Là quá trình xóa dữ liệu không còn sử dụng.
- B. Là quá trình tìm kiếm, sắp xếp và lọc dữ liệu theo tiêu chí nhất định.
- C. Là quá trình sao lưu dữ liệu vào hệ thống đám mây.
- D. Là quá trình nhập dữ liệu mới vào hệ thống.

Câu 4. Việc thu thập dữ liệu tự động tại các siêu thị thông qua đầu đọc mã vạch mang lại lợi ích gì?

- A. Giảm thời gian thanh toán và tăng hiệu quả bán hàng.
- B. Tăng số lượng hàng hóa được bán ra.
- C. Giảm chi phí vận chuyển hàng hóa.
- D. Giảm dung lượng lưu trữ dữ liệu

Câu 5. Lợi ích chính của việc sử dụng công tơ điện tử trong quản lý tiêu thụ điện là gì?

- A. Giúp giảm bớt nhân viên điện lực.
- B. Giảm chi phí sản xuất điện.
- C. Cung cấp dữ liệu liên tục giúp phân tích và quản lý hệ thống điện hiệu quả.
- D. Tiết kiệm thời gian thu thập dữ liệu bằng tay.

Câu 6. Những công việc nào sau đây không phải là khai thác thông tin từ dữ liệu đã có?

- A. Lập bảng xếp hạng học sinh theo điểm số.
- B. Thống kê học sinh có kết quả học tập xuất sắc.
- C. Nhập điểm mới vào hệ thống.
- D. Lọc học sinh đạt từ điểm 8 trở lên.

Câu 7. Trong các hoạt động quản lý, việc nào dưới đây đòi hỏi phải truy xuất dữ liệu phức tạp?

- A. Lập bảng điểm cuối học kỳ cho toàn trường.
- B. Xóa dữ liệu học sinh đã ra trường.
- C. Sửa tên học sinh trong danh sách.
- D. Nhập điểm đánh giá thường xuyên cho học sinh

II. Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai. Với mỗi ý a), b), c) d) Bôi đổ vào trước ý trả lời đúng.

Câu 1. Nhà trường cần quản lý kết quả học tập của học sinh bằng máy tính.

Sau đây là ý kiến của một số bạn trong lớp về hoạt động cho bài toán quản lý trên.

- a) Để thu thập dữ liệu về thông tin cá nhân học sinh (họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh) nên phát mẫu phiếu cho học sinh điền thông tin cần thu thập để cán bộ nhập dữ liệu nhập vào máy cho chính xác.
- b) Cập nhật dữ liệu khi có sự thay đổi như sửa điểm hoặc bổ sung dữ liệu học sinh mới.
- c) Công việc lập ra danh sách học sinh theo lớp có điểm sắp xếp từ cao đến thấp là công việc truy xuất thông tin
- d) Khai thác thông tin để phân tích, thống kê và đánh giá kết quả học tập của học sinh theo lớp nhằm mục đích đưa ra những biện pháp kịp thời để nâng cao chất lượng dạy học.

BÀI 11 - CƠ SỞ DỮ LIỆU

I. Trắc nghiệm chọn 1 phương án đúng

Câu 1. Cơ sở dữ liệu (CSDL) là gì?

- A. Một tập hợp các bảng tính trong Excel.
- B. Một tập hợp các tệp văn bản trong máy tính.
- C. Một tập hợp dữ liệu có liên quan, được lưu trữ có tổ chức trên máy tính.
- D. Một bộ sưu tập hình ảnh và video.

Câu 2. Tính chất nào sau đây là tính chất quan trọng của CSDL?

- A. Tính dư thừa dữ liệu.
- B. Tính toàn vẹn dữ liệu.
- C. Tính phụ thuộc phần mềm.
- D. Tính lưu trữ trên giấy

Câu 3. Khi thiết kế CSDL, việc đảm bảo tính không dư thừa có nghĩa là:

- A. Giảm thiểu số lượng người dùng truy cập dữ liệu.

- B. Hạn chế việc lưu trữ các dữ liệu lặp lại.
- C. Tăng cường sự phụ thuộc vào phần mềm.
- D. Lưu trữ tất cả dữ liệu ở cùng một nơi.

Câu 4. Tính độc lập dữ liệu trong CSDL là gì?

- A. Khả năng phần mềm không cần cập nhật khi thay đổi dữ liệu.
- B. Khả năng dữ liệu không phụ thuộc vào bất kỳ phần mềm nào.
- C. Dữ liệu có thể được lưu trữ trên nhiều hệ thống khác nhau.
- D. Dữ liệu chỉ có thể được truy cập từ một chương trình duy nhất.

Câu 5. Cơ sở dữ liệu nào sau đây cần đảm bảo tính nhất quán dữ liệu cao?

- A. Hệ thống quản lý thư viện.
- B. Ứng dụng lịch cá nhân.
- C. Quản lý điểm thi của học sinh.
- D. Tài khoản ngân hàng trực tuyến

Câu 6. Khi cập nhật CSDL, đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu có nghĩa là:

- A. Các giá trị dữ liệu phải tuân theo các quy tắc nhất định.
- B. Dữ liệu không bao giờ được thay đổi.
- C. Chỉ một người có thể thay đổi dữ liệu cùng một lúc.
- D. Không cho phép người dùng truy cập dữ liệu cùng lúc.

Câu 9. Trong CSDL, khi có sự cố trong quá trình cập nhật dữ liệu, tính nhất quán đảm bảo rằng:

- A. Dữ liệu vẫn được cập nhật đúng cách, ngay cả khi có sự cố.
- B. Dữ liệu bị xóa nếu gặp sự cố.
- C. Phần mềm sẽ tự động khôi phục dữ liệu.
- D. Người dùng phải cập nhật lại toàn bộ dữ liệu từ đầu.

Câu 10. Dữ liệu cần được tổ chức lưu trữ như thế nào?

- A. Cùng xây dựng phát triển phần mềm
- B. Độc lập với việc xây dựng phát triển phần mềm
- C. Có sự liên quan mật thiết với nhau
- D. Dữ liệu cần được thu thập và định dạng phù hợp ràng buộc theo quy định của phần mềm

Câu 11. Hãy đưa ra ý kiến về việc tình trạng phụ thuộc giữa chương trình và dữ liệu?

- A. Nếu thay đổi cách lưu trữ dữ liệu phải sửa đổi phần mềm
- B. Nếu thay đổi cách lưu trữ dữ liệu không phải sửa đổi phần mềm
- C. Nếu không thay đổi cách lưu trữ dữ liệu thì phải sửa đổi phần mềm
- D. Cần có sự phụ thuộc lẫn nhau để bảo đảm vấn đề về bảo mật

Câu 12. Các thành phần cần có của phần mềm thường được gọi là?

- A. Các thiết bị phần mềm
- B. Các mô đun phần mềm
- C. Các thành phần phần mềm
- D. Các chương trình phần mềm

Câu 13. Để đảm bảo an toàn dữ liệu cần?

- A. Xây dựng chính sách an toàn dữ liệu cùng kế hoạch xử lý các sự cố có thể xảy ra và giải pháp hạn chế, khắc phục.
- B. Giảm thiểu số lượng người truy cập dữ liệu cùng một lúc.
- C. Thêm các phần mềm quản lý dữ liệu để nâng cao tính bảo mật cho dữ liệu.
- D. Đảm bảo thông tin người dùng không bị sai lệch trong quá trình nhập dữ liệu.

Câu 14. Tại sao cần phải tổ chức lưu trữ dữ liệu?

- A. Để dễ dàng tìm kiếm và truy xuất dữ liệu
- B. Để giảm dung lượng lưu trữ
- C. Để bảo vệ dữ liệu tránh bị mất mát
- D. Để tăng tốc độ truy cập vào dữ liệu

BÀI 12. HỆ QTCSDL VÀ HỆ CSDL

Câu 1: Một hệ quản trị CSDL không có chức năng nào trong các chức năng dưới đây?

- A. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL
- B. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu
- C. Cung cấp công cụ quản lý bộ nhớ
- D. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.

Câu 2: Ngôn ngữ CSDL được sử dụng phổ biến hiện nay là:

- A. SQL
- B. Access
- C. Foxpro
- D. Java

Câu 3: Những nhiệm vụ nào dưới đây không thuộc nhiệm vụ của công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL?

- A. Duy trì tính nhất quán của CSDL
- B. Cập nhật (thêm, sửa, xóa dữ liệu)
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố
- D. Phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép

Câu 4: Hệ QT CSDL có các chương trình thực hiện những nhiệm vụ:

- A. Phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép, tổ chức và điều khiển các truy cập đồng thời
- B. Duy trì tính nhất quán của dữ liệu, quản lý các mô tả dữ liệu
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố ở phần cứng hay phần mềm
- D. Cả 3 đáp án A, B và C

Câu 5: Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?

- A. Người dùng
- B. Người lập trình ứng dụng
- C. Người QT CSDL
- D. Cả ba người trên

Câu 6: Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề phân quyền hạn truy cập sử dụng CSDL?

- A. Người lập trình
- B. Người dùng
- C. Người quản trị
- D. Người quản trị CSDL

Câu trắc nghiệm đúng sai: Trong mỗi ý a. b. c. d. của mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Những hành vi nào dưới đây là cần thiết để đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng Internet?

- a) Sử dụng cùng một mật khẩu cho tất cả các tài khoản trực tuyến để dễ nhớ.
- b) Cảnh giác với các yêu cầu bất ngờ đòi hỏi cung cấp thông tin cá nhân qua email hoặc tin nhắn.
- c) Tải phần mềm từ các nguồn không rõ nguồn gốc nếu thấy phần mềm đó miễn phí.
- d) Thường xuyên thay đổi mật khẩu và sử dụng xác thực hai yếu tố cho các tài khoản quan trọng.

Câu 2: Quá trình quản lý kết quả học tập của học sinh trong một trường học bao gồm các hoạt động nào?

- a) Chỉ lưu trữ điểm số từng môn học mà không cần cập nhật.
- b) Cập nhật dữ liệu khi có sự thay đổi như sửa điểm hoặc bổ sung dữ liệu học sinh mới.
- c) Truy xuất dữ liệu để lập danh sách học sinh có điểm từ cao đến thấp.
- d) Khai thác thông tin để phân tích, thống kê và đánh giá kết quả học tập.

Câu 3: Điều nào sau đây là lý do chính cần tổ chức lưu trữ dữ liệu dưới dạng cơ sở dữ liệu (CSDL)?

- a) CSDL cho phép lưu trữ dữ liệu trên giấy một cách khoa học.
- b) CSDL giúp giảm trùng lặp và đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu.
- c) CSDL chỉ cần thiết khi có nhiều máy tính tham gia khai thác dữ liệu.
- d) CSDL là phương tiện lưu trữ dữ liệu lớn, giúp khai thác dữ liệu hiệu quả hơn.

Câu 4: Chức năng nào KHÔNG phải là chức năng của hệ quản trị cơ sở dữ liệu (DBMS)?

- a) Cung cấp công cụ tạo lập cơ sở dữ liệu.
- b) Hỗ trợ truy vấn dữ liệu từ cơ sở dữ liệu.
- c) Bảo đảm an toàn và bảo mật cho dữ liệu.
- d) Xử lý toàn bộ các yêu cầu của người dùng mà không cần lập trình ứng dụng.

Câu 5: Khẳng định nào là sai khi nói về khoá?

- a) Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính trong bảng để phân biệt được các cá thể
- b) Khoá là tập hợp tất cả các thuộc tính vừa đủ để phân biệt được các cá thể
- c) Khoá chỉ là một thuộc tính trong bảng được chọn làm khoá
- d) Khoá phải là các trường STT

Câu 6: Phát biểu nào về hệ QTCSDL quan hệ là đúng?

- a) Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ
- b) Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ
- c) Phần mềm để giải các bài toán quản lí có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu
- d) Phần mềm Microsoft Access

2.2. Đề minh họa

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ
ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2024 - 2025

Môn thi: Tin học, Lớp 11

Thời gian làm bài: 45 phút

(không tính thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh:

Phần 1: Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Câu 1. Nguyên tắc Kiểm tra ngay là?

- A. Thực hiện việc tra cứu số điện thoại, địa chỉ cơ quan hoặc tổ chức mà người gửi thông tin mang danh để liên hệ xác minh trực tiếp.
- B. Mọi yêu cầu thành toán hoặc gửi tiền ngay lập tức đều cần phải đặt dấu hỏi. Vì vậy nếu cảm thấy giao dịch này không đáng tin hãy dừng lại vì nó có thể là lừa đảo.

C. Những kẻ lừa đảo thường tạo ra cảm giác cấp bách để chúng có thể vượt qua khả năng nhận định một cách sáng suốt của nạn nhân.

D. Đáp án khác.

Câu 2. Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kĩ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc DỪNG lại, không gửi bằng cách?

A. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp.

B. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus.

C. Thử tìm kiếm tên công ty hoặc số điện thoại kèm theo những từ khóa như " lừa đảo" hoặc " khiêu nai". Tìm đến một đơn vị có uy tín và tin cậy để nhờ hỗ trợ.

D. Các đơn vị hỗ trợ công nghệ hợp pháp sẽ không yêu cầu thanh toán ngay dưới dạng thẻ điện thoại, chuyển khoản..... khi mà dịch vụ chưa được thực hiện.

Câu 3. Hoạt động quản lí học sinh KHÔNG cần dữ liệu nào?

A. Họ và tên học sinh.

B. Địa chỉ của học sinh.

C. Tính tình của học sinh.

D. Thông tin của phụ huynh.

Câu 4. Quá trình tìm kiếm, sắp xếp hay lọc ra các dữ liệu theo những tiêu chí nào đó từ dữ liệu đã có thường được gọi là ...

A. lưu trữ dữ liệu. B. cập nhật dữ liệu. C. truy xuất dữ liệu. D. khai thác thông tin.

Câu 5. Khai thác thông tin từ những dữ liệu đã có là?

A. Tính toán dữ liệu. B. Phân tích dữ liệu.

C. Thống kê dữ liệu.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 6. Quy tắc an toàn, bảo mật thông tin là?

A. Yêu cầu phải tuân thủ luật pháp Việt Nam, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

B. Đòi hỏi mọi hành vi ứng xử trên mạng xã hội phải phù hợp với các giá trị đạo đức, văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

C. Yêu cầu phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn về bảo vệ an toàn và bảo mật thông tin cá nhân và tổ chức.

D. Hướng tới việc cần chịu trách nhiệm về các hành vi, ứng xử trên mạng xã hội, khi có yêu cầu phải chủ động phối hợp, hợp tác với các cơ quan chức năng để xử lý hành vi, nội dung thông tin vi phạm pháp luật.

Câu 7. Dữ liệu được tổ chức lưu trữ cần đảm bảo?

A. Dễ dàng chia sẻ.

B. Dễ dàng bảo trì phát triển.

C. Hạn chế tối đa việc dữ liệu lặp lại, gây dư thừa dữ liệu.

D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 8. Tính bảo mật và an toàn của cơ sở dữ liệu là

A. Cơ sở dữ liệu phải được bảo vệ an toàn, ngăn chặn được những truy xuất trái phép, chống được việc sao chép dữ liệu không hợp lệ.

B. Khả năng mô đun phần mềm ứng dụng không cần phải cập nhật khi thay đổi cách thức tổ chức hoặc lưu trữ dữ liệu.

C. Các giá trị dữ liệu phải thỏa mãn những ràng buộc cụ thể tùy thuộc vào thực tế mà nó phản ánh.

D. Đáp án khác.

Câu 9. Khi viết mô đun phần mềm thì người lập trình phải?

A. Biết sử dụng dữ liệu.

B. Biết phân loại dữ liệu.

C. Biết cấu trúc của các tệp dữ liệu.

D. Đáp án khác.

Câu 10. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là

A. Tập hợp các dữ liệu khác nhau được lưu vào máy tính theo một cấu trúc và logic nhất định.

B. Phần mềm dùng để tạo lập, tìm kiếm, lưu trữ,... cơ sở dữ liệu.

C. Phần mềm quản lý dữ liệu.

D. Đáp án khác.

Câu 11. Dữ liệu cần được bảo mật, chỉ cung cấp cho?

A. Người có thẩm quyền.

B. Người nắm giữ dữ liệu.

C. Người tạo lập phần mềm.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 12. Nhóm chức năng định nghĩa dữ liệu gồm?

- A. Khai báo CSDL với tên gọi xác định.
- B. Tạo lập, sửa đổi kiến trúc bên trong mỗi CSDL.
- C. Nhiều hệ QTCSDL cho phép cài đặt các ràng buộc toàn vẹn dữ liệu để có thể kiểm soát tính đúng đắn của dữ liệu.
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng.

Câu 13. Hệ quả của việc không có tính năng bảo mật là?

- A. Việc truy xuất dữ liệu trở nên phức tạp và khó khăn hơn.
- B. Việc quản lý dữ liệu trở nên khó khăn và không hiệu quả.
- C. Việc dữ liệu không được bảo vệ và có thể bị đánh cắp hoặc thay đổi bởi các kẻ tấn công.
- D. Việc đồng bộ hóa dữ liệu giữa các ứng dụng khác nhau trở nên khó khăn và phức tạp hơn.

Câu 14. Việc kết nối dữ liệu hai bảng với nhau bằng khóa ngoài được gọi là

- A. Liên kết dữ liệu theo định dạng.
- B. Liên kết dữ liệu theo chữ.
- C. Liên kết dữ liệu theo khóa.
- D. Đáp án khác.

Câu 15. Mô hình dữ liệu quan hệ là?

- A. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính khác nhau.
- B. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính khác nhau có quan hệ với nhau.
- C. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các bảng dữ liệu của các đối tượng có các thuộc tính giống nhau, có thể có quan hệ với nhau.
- D. Mô hình tổ chức dữ liệu thành các đối tượng.

Câu 16. Người ta thường chọn khóa có?

- A. Số trường ít nhất.
- B. Số trường nhiều nhất.
- C. Số trường lạ nhất.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 17. Trường thể hiện?

- A. Thuộc tính của đối tượng được quản lý trong bảng.
- B. Định dạng của đối tượng được quản lý trong bảng.
- C. Đặc điểm của đối tượng được quản lý trong bảng.
- D. Đáp án khác.

Câu 18: ... là tập hợp con người, thiết bị phần cứng, phần mềm, dữ liệu thực hiện hoạt động thu thập, lưu trữ, xử lý và phân phối thông tin trong tập ràng buộc

- A. Hệ thống
- B. Hệ thống thông tin
- C. Quá trình xử lý thông tin
- D. Hệ thống quản lý

Câu 19: Ngành khoa học dữ liệu nghiên cứu về điều gì?

- A. Máy tính và không gian
- B. Vật chất và lượng chất
- C. Dữ liệu
- D. Bộ nhớ và ứng dụng

Câu 20: Cơ sở dữ liệu (CSDL) là gì?

- A. Một tập hợp các bảng tính trong Excel.
- B. Một tập hợp các tệp văn bản trong máy tính.
- C. Một tập hợp dữ liệu có liên quan, được lưu trữ có tổ chức trên máy tính.
- D. Một bộ sưu tập hình ảnh và video.

Câu 21: Khái niệm "Database" có nghĩa là gì?

- A. Một tài liệu văn bản chứa dữ liệu
- B. Một hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu
- C. Một thư mục chứa các tập tin dữ liệu
- D. Một ổ đĩa cứng lưu trữ dữ liệu

Câu 22: Khi thiết kế CSDL, việc đảm bảo tính không dư thừa có nghĩa là:

- A. Giảm thiểu số lượng người dùng truy cập dữ liệu.
- B. Hạn chế việc lưu trữ các dữ liệu lặp lại.
- C. Tăng cường sự phụ thuộc vào phần mềm.
- D. Lưu trữ tất cả dữ liệu ở cùng một nơi.

Câu 23: Cơ sở dữ liệu phụ thuộc vào phần mềm để quản lý dữ liệu, đúng hay sai?

- A. Đúng
- B. Sai, nó phụ thuộc vào người dùng
- C. Sai, nó phụ thuộc vào tính năng của máy tính
- D. Không kết luận được

Câu 24: Khi cập nhật CSDL, đảm bảo tính toàn vẹn dữ liệu có nghĩa là:

- A. Các giá trị dữ liệu phải tuân theo các quy tắc nhất định.
- B. Dữ liệu không bao giờ được thay đổi.
- C. Chỉ một người có thể thay đổi dữ liệu cùng một lúc.
- D. Không cho phép người dùng truy cập dữ liệu cùng lúc.

Câu 25: Khi có nhiều người truy cập đồng thời được vào CSDL thì điều gì sẽ xảy ra?

- A. Tranh chấp dữ liệu
- B. Đánh mất tài nguyên
- C. Đứt nguồn cấp
- D. Sai lệch thông tin

Câu 26: Thành phần có nhiệm vụ chính là thực hiện các nhiệm vụ tính toán, xử lý dữ liệu được gọi là?

- A. Phần khách
- B. Phần chủ
- C. Phần trung gian
- D. Phần ngoại biên

Câu 27: Hệ cơ sở dữ liệu tập trung có nhược điểm nào sau đây?

- A. Khó khăn trong việc mở rộng khi cần thêm máy trạm.
- B. Chi phí bảo trì thấp.
- C. Dễ dàng đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu.
- D. Tăng tính bảo mật dữ liệu.

Câu 28: Một ví dụ về hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay là gì?

- A. Microsoft Excel
- B. Google Sheets
- C. Oracle
- D. Microsoft Word

Phần 2: Câu trắc nghiệm đúng sai: Trong mỗi ý a. b. c. d. của mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Những hành vi nào dưới đây là cần thiết để đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng Internet?

- a) Sử dụng cùng một mật khẩu cho tất cả các tài khoản trực tuyến để dễ nhớ.
- b) Cảnh giác với các yêu cầu bất ngờ đòi hỏi cung cấp thông tin cá nhân qua email hoặc tin nhắn.
- c) Tải phần mềm từ các nguồn không rõ nguồn gốc nếu thấy phần mềm đó miễn phí.
- d) Thường xuyên thay đổi mật khẩu và sử dụng xác thực hai yếu tố cho các tài khoản quan trọng.

Câu 2: Quá trình quản lý kết quả học tập của học sinh trong một trường học bao gồm các hoạt động nào?

- a) Chỉ lưu trữ điểm số từng môn học mà không cần cập nhật.
- b) Cập nhật dữ liệu khi có sự thay đổi như sửa điểm hoặc bổ sung dữ liệu học sinh mới.
- c) Truy xuất dữ liệu để lập danh sách học sinh có điểm từ cao đến thấp.
- d) Khai thác thông tin để phân tích, thống kê và đánh giá kết quả học tập.

Câu 3: Điều nào sau đây là lý do chính cần tổ chức lưu trữ dữ liệu dưới dạng cơ sở dữ liệu (CSDL)?

- a) CSDL cho phép lưu trữ dữ liệu trên giấy một cách khoa học.
- b) CSDL giúp giảm trùng lặp và đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu.
- c) CSDL chỉ cần thiết khi có nhiều máy tính tham gia khai thác dữ liệu.
- d) CSDL là phương tiện lưu trữ dữ liệu lớn, giúp khai thác dữ liệu hiệu quả hơn.

Hoàng Mai, ngày 6 tháng 12 năm 2024

TỔ TRƯỞNG

Phan Trọng Dũng